

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2018/DS-ST

Ngày: 16-11-2018

V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Ông Hồ Sỹ Quý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2018/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2018 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số 02, khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Văn N: Ông Huỳnh Nhật Q, sinh năm 1995. Địa chỉ: Đội 5, thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 19/4/2018). Có mặt.

- Bị đơn: Bà Đặng Nguyễn Hồng T, sinh năm 1980. Địa chỉ: 26D/25 khu phố 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Đặng Nguyễn Hồng T: Ông Cao Trọng D, sinh năm 1979. Địa chỉ: 26D/25 khu phố 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 15/11/2018). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Cao Trọng D, sinh năm 1979. Địa chỉ: 26D/25 khu phố 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 02/5/2018, bản tự khai ngày 02/5/2018, quá trình hòa giải và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Q trình bày:*

Vào ngày 05/9/2016, bà T có đến nhà ông N hỏi mượn một số tiền để làm ăn và ông N đã đồng ý cho bà T vay số tiền 50.000.000 đồng. Vì là chỗ quen biết nên trong quá trình giao nhận tiền hai bên không lập giấy tờ mà ông N đi gửi tiền trực tiếp cho bà T qua số tài khoản 050053616426 của bà T tại Ngân hàng Sacombank - Phòng giao dịch huyện D. Về thời hạn trả là khi nào ông N cần tiền thì báo trước cho bà T và bà T sẽ trả tiền cho ông N. Tuy nhiên, do ông N đã nhiều lần yêu cầu bà T thanh toán số tiền trên nhưng bà T không thực hiện. Nay, ông Q đại diện nguyên đơn yêu cầu bà T thanh toán số tiền 50.000.000 đồng cho ông N.

- *Tại bản tự khai ngày 23/5/2018, biên bản lấy lời khai ngày 23/5/2018, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà T và đại diện bị đơn bà T (ông D) trình bày:*

Bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì số tiền 50.000.000 đồng mà ông N khởi kiện là không phải tiền vay mà là tiền hùn vốn làm ăn trồng bí tại Nông trường cao su B huyện D, tỉnh Tây Ninh giữa ông N và chồng bà T là ông Cao Trọng D. Do việc làm ăn bị thất bại nên số tiền của ông D và ông N hùn làm ăn chung không thu hồi được và hai bên cùng phải chịu thiệt với nhau. Nay, ông N cho rằng số tiền 50.000.000 đồng là tiền vay là không đúng sự thật. Vì vậy, bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nếu nguyên đơn vẫn tiếp tục khởi kiện bà T thì bà T yêu cầu ông N xuất trình giấy vay nợ để thể hiện bà T có vay tiền của ông N.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/5/2018, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông D trình bày:* Ông D hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bà T và không bổ sung gì thêm.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa có ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự trong suốt quá trình tố tụng là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp đòi tài sản, hiện bị đơn trú tại thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn ông Trần Văn N yêu cầu bị đơn bà Đặng Nguyễn Hồng T trả lại số tiền đã mượn là 50.000.000 đồng. Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho yêu cầu khởi kiện là giấy nộp tiền vào sổ tài khoản ngày 05/9/2016.

[2.1] Hội đồng xét xử xét thấy: Theo giấy nộp tiền vào sổ tài khoản ngày 05/9/2016 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh B – Phòng giao dịch huyện D thấy rằng ông Trần Văn N có chuyển vào sổ tài khoản số 050053616426 do bà Đặng Nguyễn Hồng T làm chủ tài khoản với số tiền là 50.000.000 đồng, điều này được bà T thừa nhận. Do đó, đây là sự những tình tiết, sự kiện không cần thiết phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Bị đơn bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông D cho rằng số tiền 50.000.000 đồng không phải là tiền mà bà T mượn của ông N mà là số tiền do ông N và chồng bà là ông Cao Trọng D hùn vốn để làm trồng bí tại Nông trường cao su B thuộc huyện D, tỉnh Tây Ninh nhưng do làm ăn thua lỗ nên ông N và ông D phải chịu toàn bộ tổn thất này. Tuy nhiên lời trình bày này thì bà T không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh, sự việc này thì Tòa án có thông báo cho bà T và ông D cung cấp tài liệu chứng cứ là ông N và ông D có hùn vốn để trồng bí hay không, nếu có hùn vốn trồng bí thì có xảy ra thiệt hại như thế nào nhưng bà T và ông D cũng không cung cấp được. Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 19/9/2018 tại Nông trường cao su B thì ông Nguyễn Văn T là Giám đốc Nông trường cao su B cho rằng Nông trường cao su không có hợp đồng cho thuê đất đối với ông Cao Trọng D và ông Trần Văn N. Do đó, lời trình bày của bà T, ông D là không có cơ sở.

[2.3] Như vậy có căn cứ thấy rằng ông N đã giao số tiền 50.000.000 đồng cho bà T thông qua giao dịch Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh B – Phòng Giao dịch huyện D. Việc ông N yêu cầu bà T trả lại số tiền trên là có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn N đối với bị đơn bà Đặng Nguyễn Hồng T về việc tranh chấp đòi tài sản theo quy định tại Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Buộc bà T phải có nghĩa vụ trả cho ông N số tiền là 50.000.000 đồng.

[3] Quan điểm về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 90, 147, 227, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 164, 169, 170, 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn N đối với bị đơn bà Đặng Nguyễn Hồng T về việc “tranh chấp đòi tài sản”.

- Buộc bà Đặng Nguyễn Hồng T trả cho ông Trần Văn N số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Đặng Nguyễn Hồng T phải nộp số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng).

- Hoàn trả cho ông Trần Văn N số tiền 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông N đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0011797 ngày 09 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (16.11.2018).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện D;
- CCTHADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Quang Tuấn